

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 306/2024/DS-PT

Ngày 15 - 11 - 2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Văn Công Dân.

**Các Thẩm phán:** Ông Nguyễn Duy Thuấn.

Bà Nguyễn Thị Hằng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mai Loan, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắc Lắc.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắc Lắc tham gia phiên tòa:** Ông Dương Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắc Lắc xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 261/2024/TLPT-DS ngày 15/10/2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*". Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2024/DS-ST ngày 25/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 282/2024/QĐ-PT ngày 28/10/2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Hoàng Xuân Q – Sinh năm 1969, bà Bùi Thị H – Sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn C, xã C, huyện K, tỉnh Đắc Lắc; **Đều có mặt.**

2. **Bị đơn:** Bà Trần Thị Kim L – Sinh năm 1959; địa chỉ: Buôn C, xã C, huyện K, tỉnh Đắc Lắc; **Có mặt.**

**Người đại diện ủy quyền của bị đơn:** Ông Nguyễn Đình B – Sinh năm 1983; địa chỉ: Số H H, phường T, thị xã B, tỉnh Đắc Lắc (Văn bản ủy quyền ngày 21/10/2024); **Có mặt.**

3. **Người kháng cáo:** Bị đơn bà Trần Thị Kim L.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Hoàng Xuân Q, bà Bùi Thị H trình bày:**

Do quen biết nên ngày 16/01/2016, vợ chồng ông Hoàng Xuân Q, bà Bùi Thị H cho bà Trần Thị Kim L mượn 720kg cà phê nhân xô, khi mượn hai bên có

làm giấy viết tay với nhau. Sau đó ông Q, bà H đã đòi nhiều lần nhưng bà L không chịu trả nợ. Vì vậy, ông Q, bà H khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Kim L phải trả cho ông Q, bà H 720kg cà phê nhân xô, trong đó gồm nợ gốc 600kg cà phê nhân xô và nợ lãi theo các bên thỏa thuận là 120kg cà phê nhân xô.

***Bị đơn bà Trần Thị Kim L trình bày:***

Bà L xác nhận chữ ký và chữ viết “Trần Thị Kim L” có trong 01 giấy kê ngang có nội dung “16-01-16 chị L còn nợ 600kg (sáu tạ) x 1.2 = 120kg TC: 720kg” đúng là chữ ký và chữ viết của bà L; còn các nội dung khác trong giấy kê ngang này không phải chữ viết của bà L, vì nếu bà ký vay nợ thì bà phải ghi ngày tháng cụ thể chứ không ký không như vậy. Trước đây bà L có vay cà phê của ông Q, bà H nhưng chỉ khoảng một đến hai tạ, quá trình vay bà L đã thanh toán đầy đủ, hiện không còn liên quan và không còn nợ nần gì ông Q, bà H. Do đó, bà L không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Q, bà H.

***Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2024/DS-ST ngày 25/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:***

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 47, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:***

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Xuân Q, bà Bùi Thị H.

Buộc bà Trần Thị Kim L có nghĩa vụ trả cho ông Hoàng Xuân Q, bà Bùi Thị H 720kg (Bảy trăm hai mươi kilôgam) cà phê nhân xô, trong đó gồm: Nợ gốc 600kg cà phê nhân xô và nợ lãi 120kg cà phê nhân xô.

2. Về án phí:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Trần Thị Kim L.

Hoàn trả cho ông Hoàng Xuân Q, bà Bùi Thị H số tiền 1.080.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2022/0004241 ngày 13/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 07/8/2024, bị đơn bà Trần Thị Kim L có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm với nội dung: Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông Hoàng Xuân Q, bà Bùi Thị H hoặc hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên nội dung khởi kiện, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu:*

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát cho rằng kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Kim L là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự – Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Kim L; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2024/DS-ST ngày 25/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Trần Thị Kim L làm trong hạn luật định và được miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Xét đơn kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Kim L, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại 01 tờ giấy kê ngang do nguyên đơn ông Q, bà H cung cấp cho Tòa án làm căn cứ để khởi kiện bị đơn bà L có nội dung “16-01-16 chị L còn nợ 600kg (sáu tạ) x 1.2 = 120kg TC: 720kg”. Bà L thừa nhận chữ ký và chữ viết “Trần Thị Kim L” tại dòng thứ 03 từ trên xuống (dòng có kẻ ô ly) trong tờ giấy kê ngang nói trên đúng là chữ ký, chữ viết của bà L; còn các nội dung khác trong giấy kê ngang này không phải chữ viết của bà L. Bà L cho rằng trong giấy kê ngang này không thể hiện người cho vay là ai và có thể ông Q, bà H nhặt được tờ giấy nợ ở đâu có tên bà L rồi đem khởi kiện bà L. Tuy nhiên, xét thấy tờ giấy kê ngang này là 01 tờ giấy trong cuốn sổ ghi nợ của ông Q, bà H và do ông Q, bà H giữ. Bởi lẽ ở mặt sau của tờ giấy này có ghi các nội dung như “19.1.19 Hoàn T chốt 300kg x 46 = 13.800.000” và chữ ký “HI – Lê Văn HI” của người nhận nợ tại dòng kết thúc của nội dung ghi nhận nợ là tương tự với nội dung ông Q, bà H cho bà L vay cà phê. Đồng thời, do đây là cuốn sổ ghi nợ của ông Q, bà H cho nhiều người vay tiền và cà phê nên việc ông Q, bà H không cần ghi tên người cho vay là hợp lý, việc bà L cho rằng đây là 01 tờ giấy cho chữ ký của bà L mà ông Q, bà H nhặt được ở đâu rồi đem đi kiện bà L là không có cơ sở để chấp nhận. Bà L không chứng minh

được lý do bà không vay tổng cộng 720kg cà phê mà lại ký đầy đủ họ tên của mình vào sổ ghi nợ của ông Q, bà H.

Bà L còn cho rằng trước đây bà đã từng nhiều lần vay cà phê của vợ chồng ông Q, bà H nhưng chỉ vay khoảng 01 đến 02 tạ, quá trình vay bà L đã thanh toán đầy đủ, hiện không còn nợ nần gì ông Q, bà H. Nhưng bà L không cung cấp được chứng cứ chứng minh bà chỉ vay khoảng 01 đến 02 tạ cũng như các giấy tờ thể hiện bà đã trả hết nợ cho ông Q, bà H, đồng thời không được ông Q, bà H thừa nhận.

Về việc tại giấy vay cà phê không thể hiện cà phê là loại cà phê gì, ông Q, bà H và bà L đều xác định từ trước đến nay bà L đã nhiều lần vay cà phê của ông Q, bà H. Ông Q, bà H xác định loại cà phê mà hai bên giao dịch là cà phê nhân xô quy chuẩn. Đây là loại cà phê ông Q, bà H giao dịch chung tại đại lý (hoặc cơ sở buôn bán cà phê) của ông Q, bà H nên khi ghi vào sổ thì không cần ghi cụ thể là loại cà phê gì. Hơn nữa đây cũng là thông lệ giao dịch vay nợ cà phê chung của địa phương.

Tại giấy vay thể hiện bà L vay nợ từ ngày 16/01/2016 nhưng đến nay bà L vẫn không thanh toán cho ông Q, bà H là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, ông Q, bà H khởi kiện yêu cầu bà L phải tổng cộng 720 kg cà phê như thỏa thuận nhận nợ tại giấy vay là có căn cứ cần chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà L.

[3]. Về án phí: Do không được chấp nhận kháng cáo nên bà Trần Thị Kim L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định. Tuy nhiên, bà L sinh năm 1959 là người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí nên cần miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm cho bà L theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1]. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Kim L;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2024/DS-ST ngày 25/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

[2]. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 47, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

[2.1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Xuân Q, bà Bùi Thị H.

Buộc bà Trần Thị Kim L có nghĩa vụ trả cho ông Hoàng Xuân Q, bà Bùi Thị H 720kg (Bảy trăm hai mươi kilôgam) cà phê nhân xô, trong đó gồm: Nợ gốc 600kg cà phê nhân xô và nợ lãi 120kg cà phê nhân xô.

[2.2]. Về án phí:

[2.2.1]. Án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Trần Thị Kim L.

Hoàn trả cho ông Hoàng Xuân Q, bà Bùi Thị H số tiền 1.080.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2022/0004241 ngày 13/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

[2.2.2]. Án phí dân sự phúc thẩm: Miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm cho bà Trần Thị Kim L.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Búk;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Văn Công Dân**

